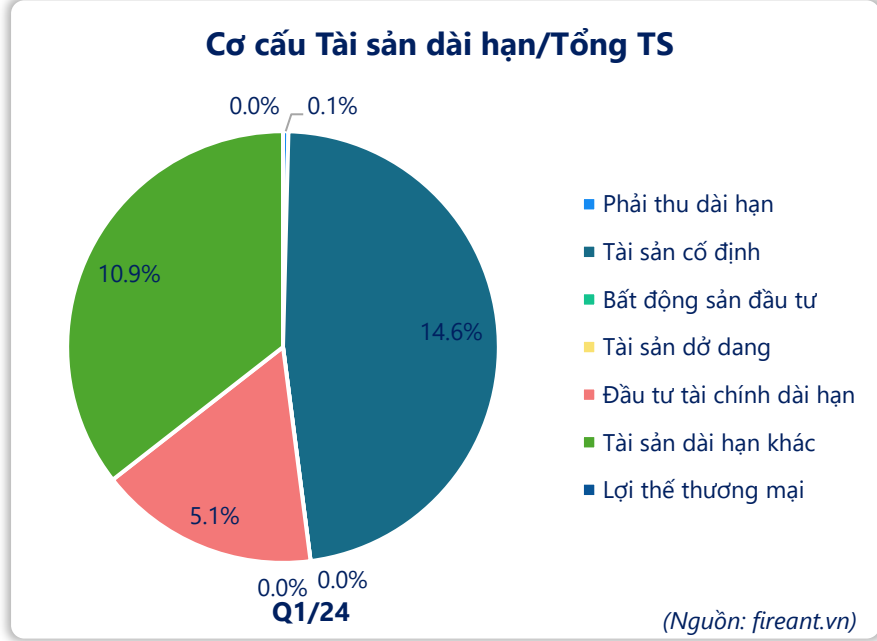
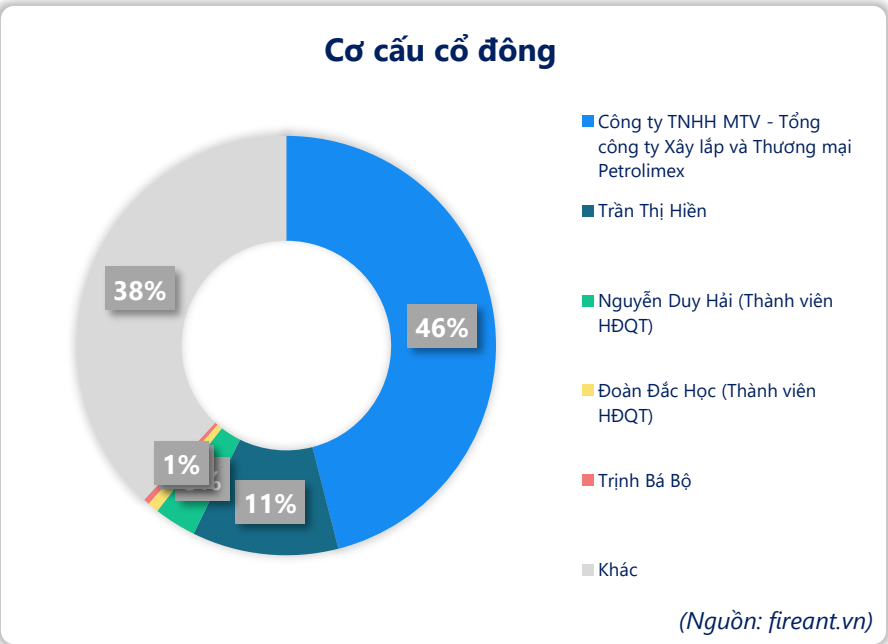
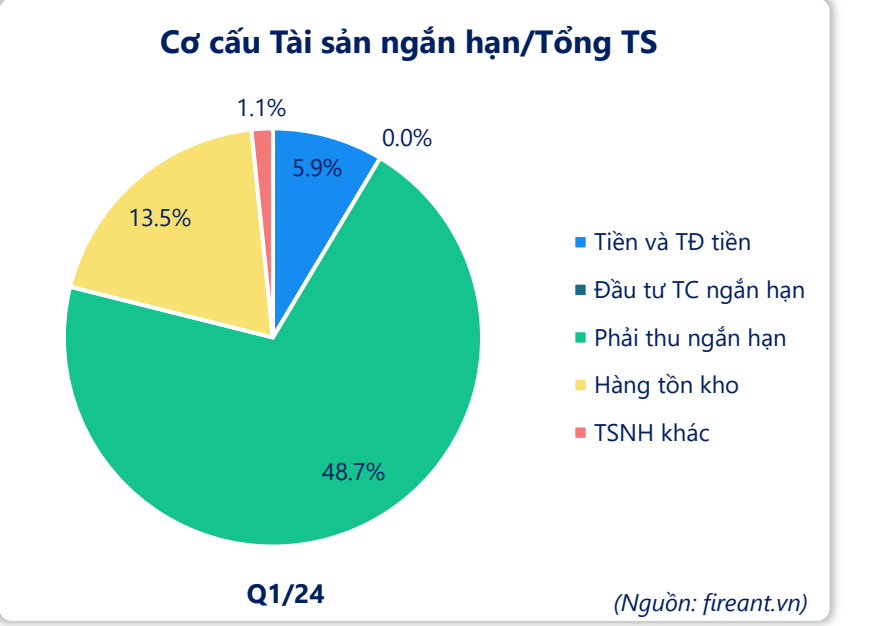
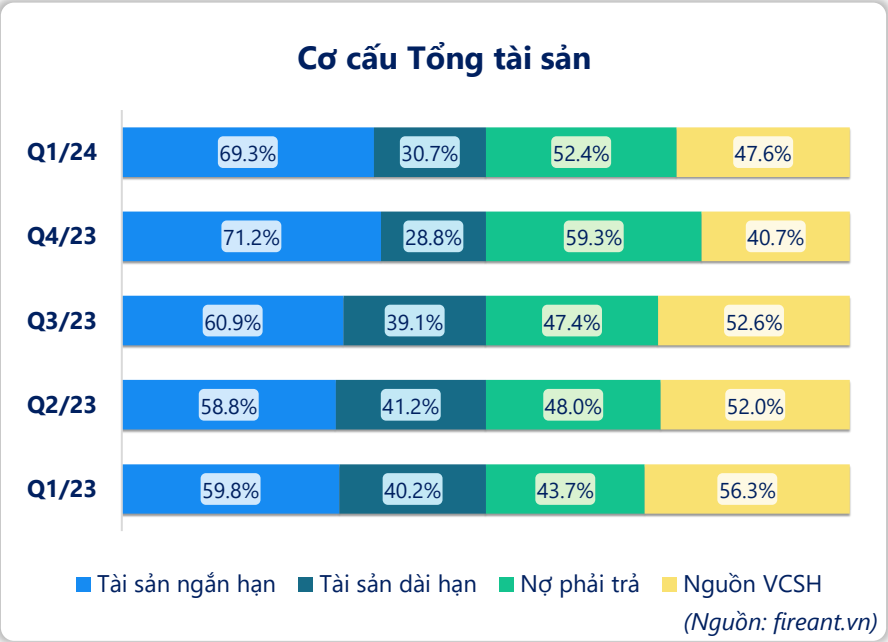
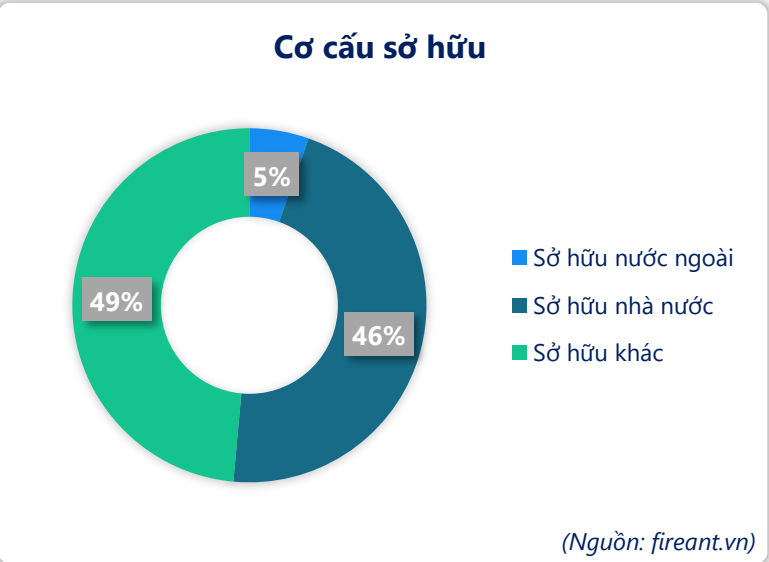
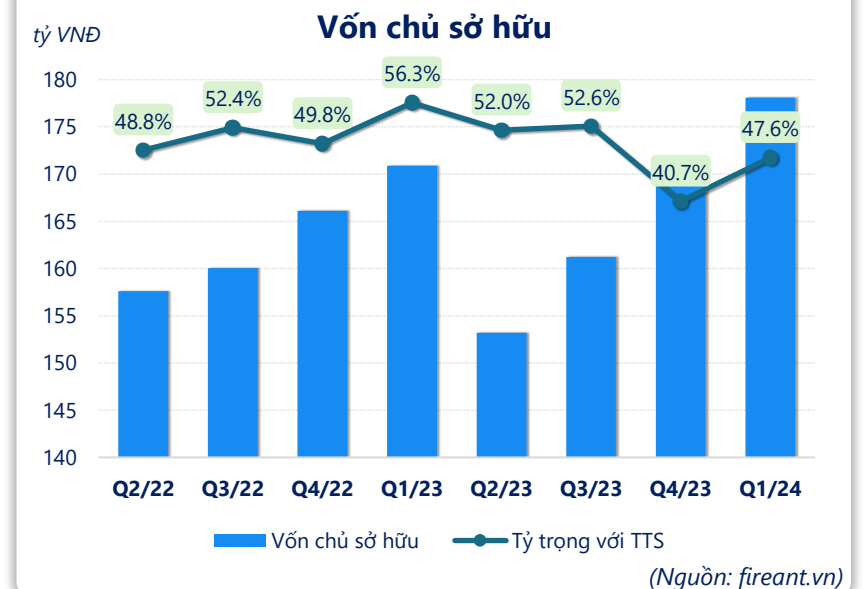
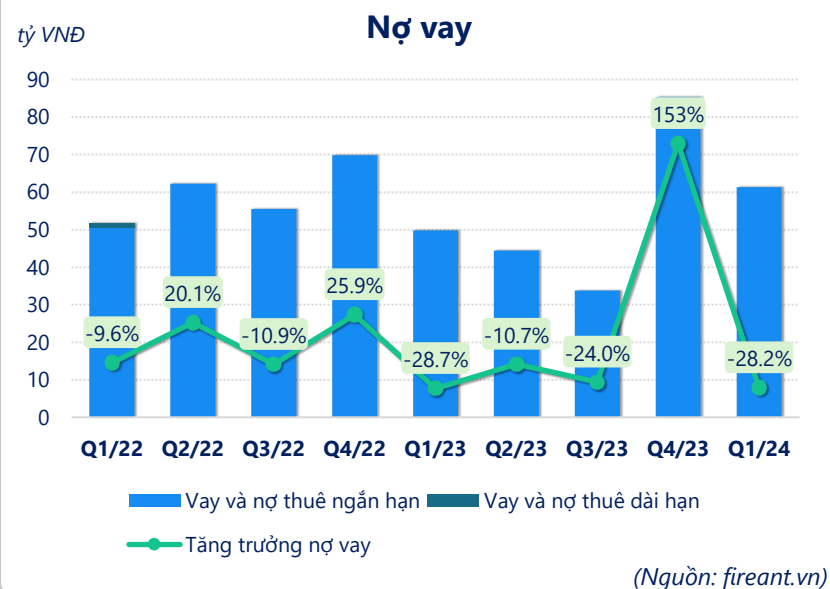
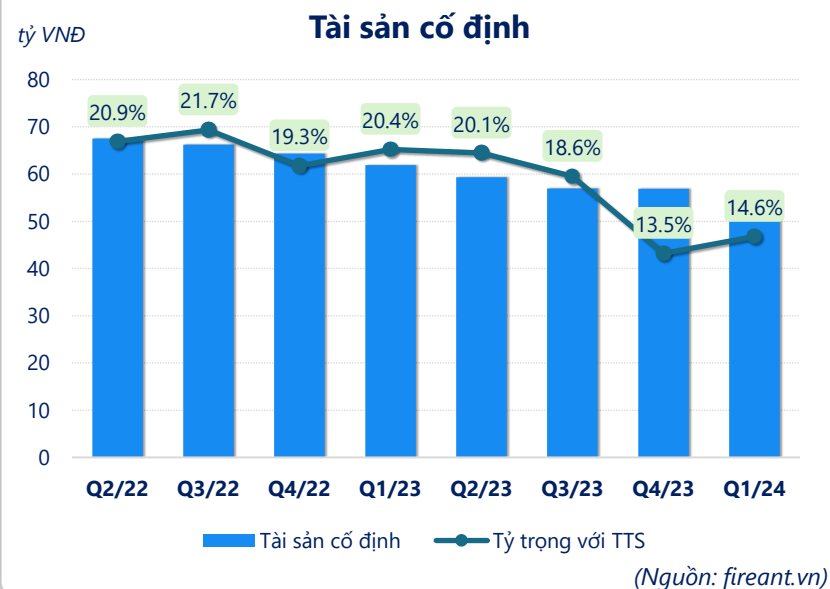
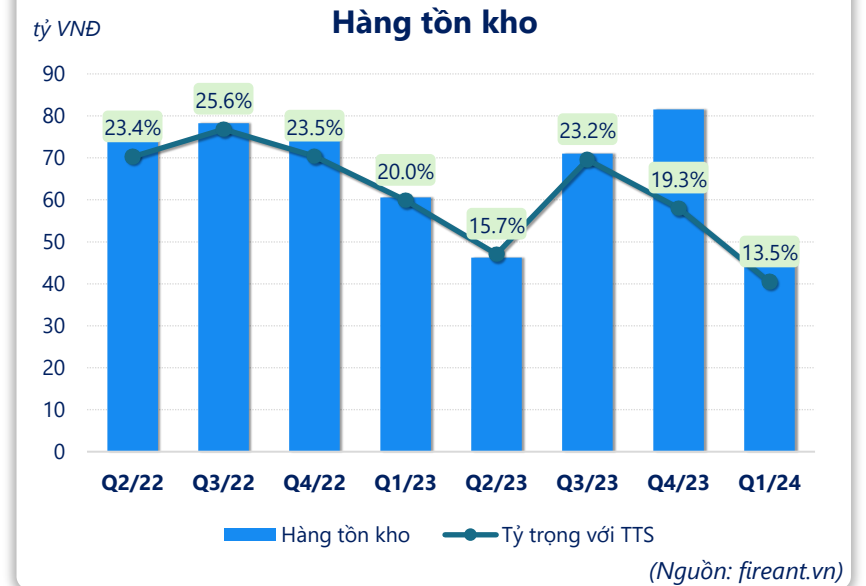
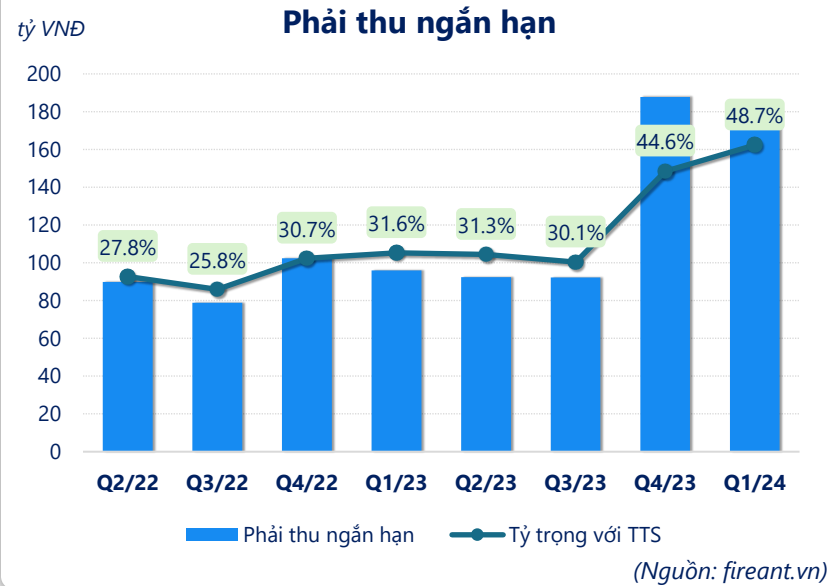
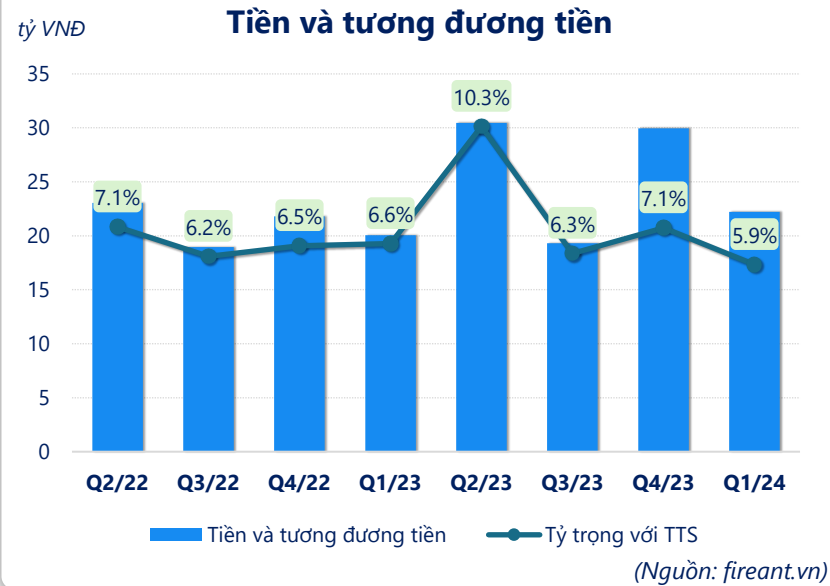
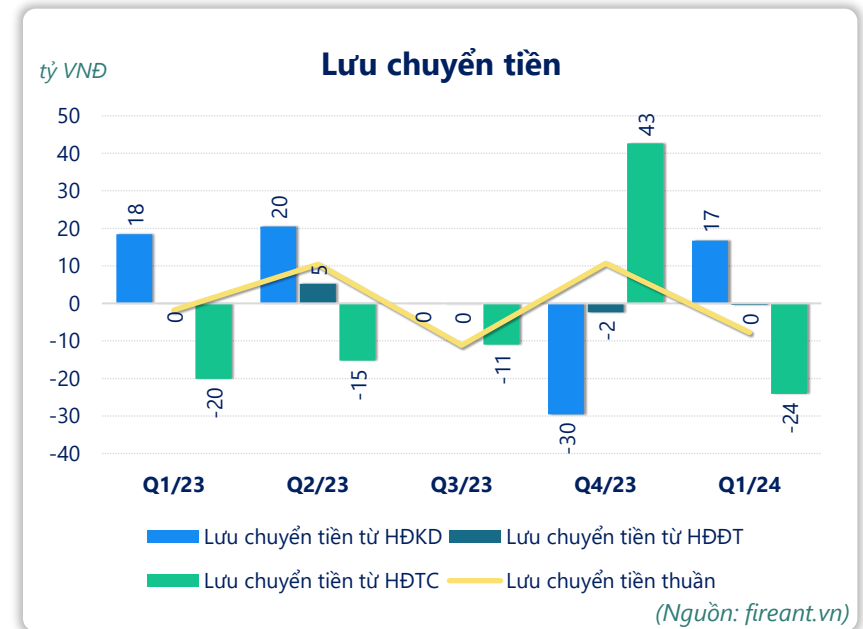
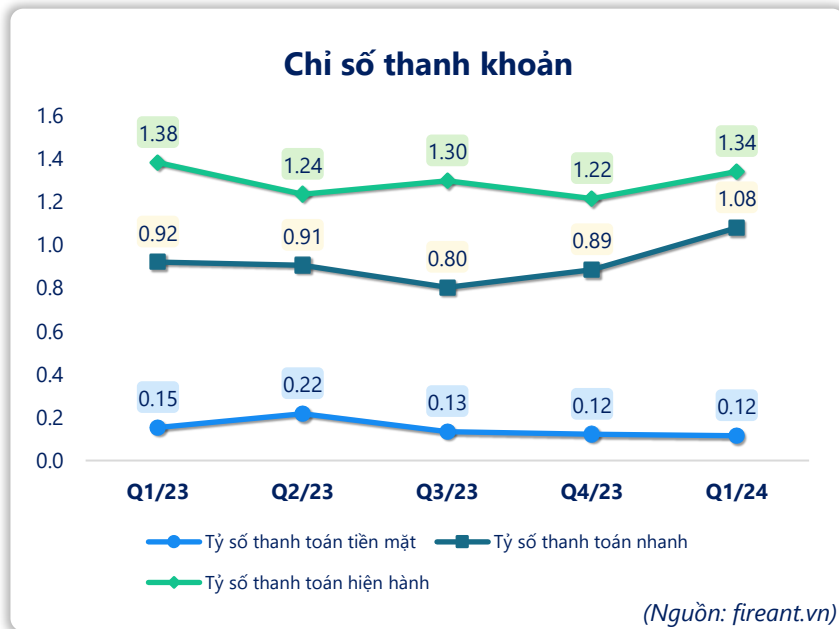
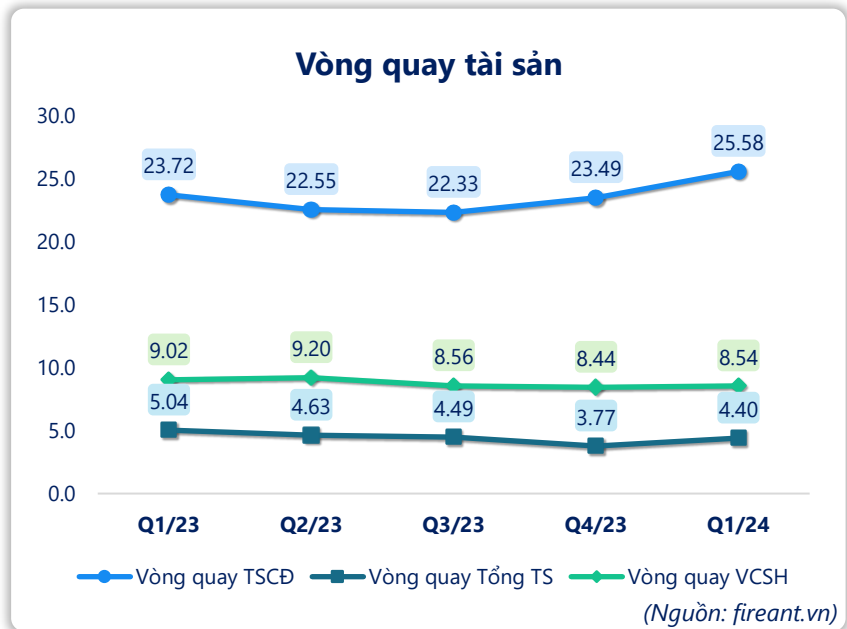
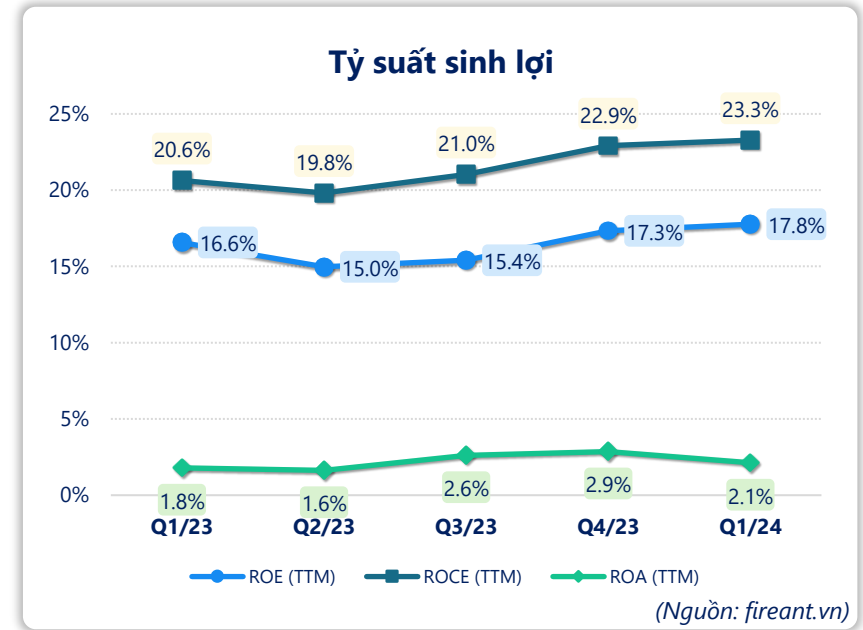
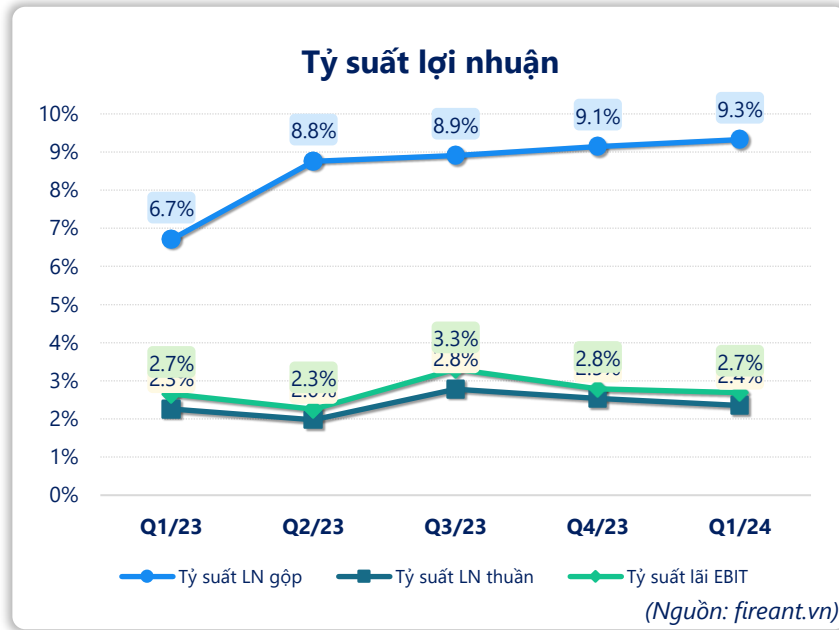
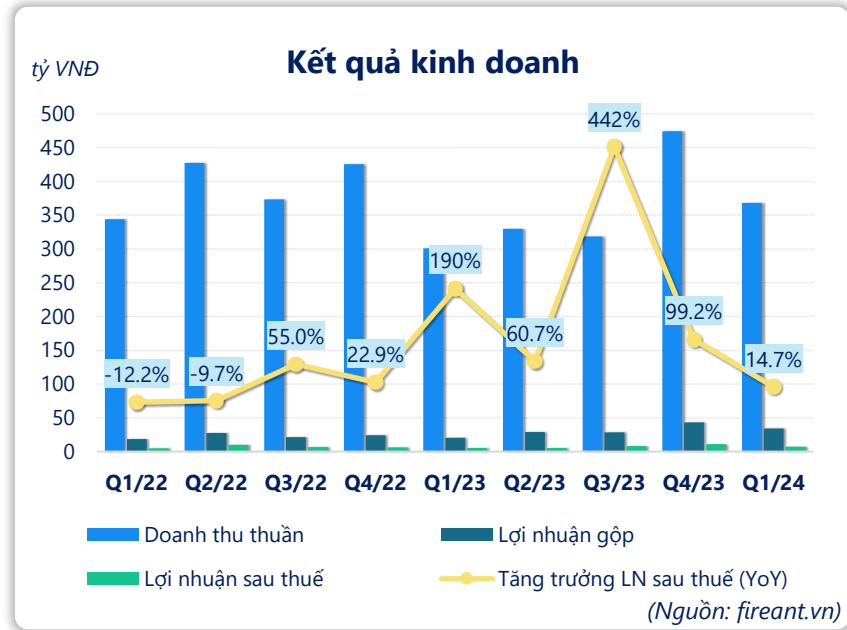


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		31,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,957
SL cổ phiếu LH		7,201,772
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,430
% sở hữu nước ngoài		5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		223
P/E		7.2
EPS		4,305

	YTD	1T	3T	6T
PMS	9.9%	8.0%	10.7%	19.2%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	374	421	-11.2%
Tài sản ngắn hạn	259	300	-13.7%
Tiền và tương đương tiền	22.2	30.0	-25.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	182	188	-3.0%
Hàng tồn kho	50.4	81.5	-38.2%
Tài sản ngắn hạn khác	4.26	0.82	421%
Tài sản dài hạn	115	121	-5.2%
Phải thu dài hạn	0.47	0.47	0.0%
Tài sản cố định	54.7	56.9	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	19.0	22.7	-16.4%
Tài sản dài hạn khác	40.9	41.3	-1.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	196	250	-21.6%
Nợ ngắn hạn	193	247	-21.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	61.3	85.4	-28.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	76.0	112	-32.2%
Nợ dài hạn	2.79	3.08	-9.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	178	171	3.9%
Vốn chủ sở hữu	178	171	3.9%
Vốn điều lệ	72.3	72.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	301	330	318	474	368
Giá vốn hàng bán	281	301	290	431	334
Lợi nhuận gộp	20.2	28.9	28.4	43.4	34.3
Doanh thu HĐTC	0.01	0.09	0.03	0.03	0.11
Chi phí TC	1.28	1.09	0.78	0.81	1.31
Chi phí lãi vay	1.20	0.92	0.71	0.73	1.30
LN trong công ty LKLD	1.60	1.22	1.66	1.11	1.88
Chi phí bán hàng	6.07	9.61	9.07	9.96	7.64
Chi phí QLDN	7.65	13.0	11.3	21.7	18.7
LN thuần từ HĐKD	6.81	6.53	8.85	12.1	8.65
Lợi nhuận khác	0	0.00	0.95	0.45	-0.04
LN trước thuế	6.81	6.53	9.80	12.5	8.61
Lợi nhuận sau thuế	5.44	5.03	8.00	10.8	7.19
LNST của CĐ cty mẹ	5.44	5.03	8.00	10.8	7.19

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.4	20.5	-0.02	-29.6	16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.06	5.25	-0.13	-2.34	-0.39
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.1	-15.3	-11.0	42.6	-24.1
Tiền đầu kỳ	21.8	20.1	30.5	19.3	30.0
Lưu chuyển tiền thuần	-1.76	10.4	-11.2	10.7	-7.74
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	20.1	30.5	19.3	30.0	22.2

(Nguồn: fireant.vn)